

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 794/2019/HC-PT

Ngày: 09 - 9 - 2019

V/v Khiếu kiện quyết định hành chính
về bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái
định cư.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Bích Thủy

Các Thẩm phán:

1/ Bà Phạm Thị Mai Xuân

2/ Bà Nguyễn Thị Thu Thủy

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Hương –
Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia
phiên tòa:** Ông Huỳnh Thanh Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 9 năm 2019, tại phòng xử án Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai và tuyên án ngày 09/9/2019 đối với vụ án hành chính phúc thẩm thụ lý số 22/2019/HCPT ngày 14 tháng 01 năm 2019 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính về bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 04/2018/HC-ST ngày 19 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 3729/2018/QĐPT ngày 16 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông Huỳnh Văn E; Sinh năm 1957 (có mặt).

Địa chỉ: 607 Hùng Vương, Ấp 5, xã B, huyện C, tỉnh D

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện:

Luật sư Cao Thế L thuộc Đoàn Luật sư tỉnh E (có mặt).

Địa chỉ: 48 Lô 10 Bể Văn Đàn, Khóm 2, Phường H, Thành phố G, tỉnh E.

2. Người bị kiện: Ủy ban nhân dân Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ: Số 2/304 Xa Lộ Hà Nội, khu phố K, phường L, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện: ông Nguyễn Văn T – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (có yêu cầu tiến hành tố tụng vắng mặt).

(Văn bản ủy quyền số 1929/UBND ngày 27/7/2016)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện:

2.1. Ông Nguyễn Văn Đ - Phó Trưởng Ban bồi thường giải phóng mặt bằng Quận A (có mặt).

Địa chỉ liên hệ: 2/304 Xa Lộ Hà Nội, khu phố K, phường L, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

2.2. Ông Nguyễn Thanh P- Phó Trưởng phòng nghiệp vụ 1 Ban bồi thường giải phóng mặt bằng Quận A (có mặt).

Địa chỉ liên hệ: 2/304 Xa Lộ Hà Nội, khu phố K, phường L, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Nguyễn Thị Kim H; sinh 1958 (có mặt).

Địa chỉ: 1/2 đường V, tổ 15B, khu phố N, phường M, Quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.2. Bà Huỳnh Nguyệt Đăng T;

3.3. Bà Huỳnh Nguyệt Bảo T;

3.4. Ông Trần Minh T;

3.5. Ông Trần Văn C.

Cùng địa chỉ: 1/2 đường V, tổ 15B, khu phố N, phường M, Quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bà T, bà Tr, ông T, ông C(có đơn xin vắng mặt).

Do có đơn kháng cáo của ông Huỳnh Văn E – người khởi kiện.

NHẬN THẤY:

Theo bản án sơ thẩm thì nội dung vụ án như sau:

Ngày 02/4/2010, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận Q ban hành Quyết định số 604/QĐ-UBND-BBT về việc công bố giá trị bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của hộ ông Huỳnh Văn E, tại một phần thửa số 5 tờ bản đồ số 64 phường T, Quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh trong dự án làm đường vào Cung thiếu nhi Quận Q giai đoạn II tại phường M, Quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh. Không đồng ý với Quyết định nêu trên ông E làm đơn khiếu nại, ngày 26/01/2015 Ủy ban nhân dân Quận Q ban hành Quyết định số 15/QĐ-UBND về việc điều chỉnh Quyết định số 604/QĐ-UBND-BBT ngày 02/4/2010 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận Q. Không đồng ý với Quyết định 15/QĐ-UBND, ông E làm đơn khiếu

nại, ngày 26/4/2015 Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận Q ban hành Quyết định số 66/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông Huỳnh Văn E. Ngày 22/9/2015, ông Huỳnh Văn E khởi kiện vụ án hành chính yêu cầu Tòa án nhân dân Quận A hủy Quyết định số 15/QĐ-UBND ngày 26/01/2015 của Ủy ban nhân dân Quận A về việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với hộ ông Huỳnh Văn E. Ngày 24/11/2015, Tòa án nhân dân Quận A ra Thông báo số 43/2015/TB-TA trả lại đơn khởi kiện cho ông Huỳnh Văn E với lý do tại Quyết định giải quyết khiếu nại số 66/QĐ-UBND, Ủy ban nhân dân Quận A đã xác định Quyết định 15/QĐ-UBND là phù hợp với quy định của pháp luật và bản án hành chính sơ thẩm số 28/2015/HC-ST Tòa án nhân dân Quận A đã bác yêu cầu khởi kiện của ông E đối với Quyết định giải quyết khiếu nại số 66/QĐ-UBND.

Ngày 24/11/2015, ông E làm đơn khiếu nại Thông báo số 43/2015/TB-TA của Tòa án nhân dân Quận A. Ngày 25/11/2015, Chánh án Tòa án nhân dân Quận A ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 70/2015/QĐ-GQKN giữ nguyên Thông báo trả lại đơn khởi kiện số 43/2015/TB-TA ngày 24/11/2015 của Tòa án nhân dân Quận A.

Ngày 26/12/2015, ông E làm Đơn khiếu nại đối với quyết định giải quyết khiếu nại số 70/2015/QĐ-GQKN ngày 25/11/2015 của Chánh án Tòa án nhân dân Quận A. Ngày 08/3/2016, Chánh án Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 88/2016/QĐ-TATP: Chấp nhận khiếu nại của ông Huỳnh Văn E đối với Quyết định giải quyết khiếu nại số 70/2015/QĐ-GQKN ngày 25/11/2015 của Chánh án Tòa án nhân dân Quận A; Tòa án nhân dân Quận A nhận lại đơn khởi kiện và tài liệu, chứng cứ kèm theo để xem xét việc thụ lý vụ án theo quy định của pháp luật.

Sau khi nhận được Quyết định giải quyết khiếu nại số 88/2016/QĐ-TATP thì ngày 29/3/2016, ông E khởi kiện đến Tòa án nhân dân Quận Q yêu cầu: Hủy Quyết định số 15/QĐ-UBND ngày 26/01/2015 của Ủy ban nhân dân Quận Q.

Những căn cứ mà người khởi kiện đề nghị hủy Quyết định số 15/QĐ-UBND ngày 26/01/2015 của Ủy ban nhân dân Quận Q là: Diện tích 111,3m² đất toạ lạc tại một phần thửa số 5, tờ bản đồ số 64, phường M, Quận Q. Nguồn gốc trước năm 1964 do ông Bùi Văn Q sử dụng. Năm 1964, các thửa kế của ông Q bán lại cho ông Nguyễn Trung T và bà Trần Thị M. Năm 1975, ông T và bà M đi Mỹ và giao lại cho ông Nguyễn Ngọc A sử dụng. Năm 1990, ông A để lại cho ông Huỳnh Văn E và bà Nguyễn Thị Kim H. Ông E, bà H cải tạo làm nhà và sử dụng không ai tranh chấp cho đến khi bị giải tỏa, nên yêu cầu bồi thường chứ không đồng ý hỗ trợ. Việc Ủy ban nhân dân Quận Q chỉ hỗ trợ đất ở mặt tiền đường Lê Văn V với mức 30% đơn giá 25.500.000 đồng/m² đối với 100m² đất ở

mặt tiền là không đúng, đề nghị Ủy ban nhân dân Quận Q đền bù theo giá nhà nước.

Đại diện Ủy ban nhân dân Quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh trình bày:

Thực hiện theo Quyết định thu hồi đất số 257/QĐ-UBND ngày 25/4/2007 của Ủy ban nhân dân Quận Q về việc thu hồi đất trong dự án làm đường vào Cung Thiếu nhi tại phường M, Quận Q; Ngày 12/12/2008, Ủy ban nhân dân Quận A ban hành Quyết định số 1198/QĐ-UBND về việc điều chỉnh Quyết định số 257/QĐ-UBND ngày 25/4/2007 của Ủy ban nhân dân Quận A với nội dung thu hồi 103,3m² 8m² đất đường thuộc thửa số 05 tờ bản đồ số 64 và 8 (theo tài liệu 2003) tại phường L, Quận A của ông Huỳnh Văn E thuộc đối tượng thu hồi đất. Ban Bồi thường Giải phóng mặt bằng Quận Q đã xây dựng phương án bồi thường số: 05/PABT-HĐBT ngày 31/8/2009 và được Ủy ban nhân dân Quận Q duyệt ngày 29/9/2009. Nguồn gốc đất là do ông Nguyễn Ngọc A tự chiếm sử dụng vào khoảng năm 1978, đến năm 1990 ông A lập giấy tay chuyển nhượng cho ông Huỳnh Văn E, năm 1992 ông E xây dựng nhà và sử dụng cho đến nay, nhà có quyết định xử phạt vi phạm hành chính buộc tháo dỡ do nằm dưới hành lang điện. Căn cứ vào điểm a, khoản 7, mục III phần III của Phương án số 05 quy định mục đích sử dụng là đất ở thì được xét hỗ trợ bằng 30% đơn giá đất ở để tính bồi thường; tại Văn bản số 787/UBND-ĐTMT ngày 26/02/2009 của Ủy ban nhân dân Thành phố quy định đơn giá đất ở để tính bồi thường vị trí mặt tiền đường Lê Văn V là 25.500.000 đồng/m². Do đó, hộ ông E được tính hỗ trợ 100m² đất ở x 25.500.000 đồng/m² x 30% là đúng quy định. Ủy ban nhân dân Quận Q ban hành Quyết định số 15/QĐ-UBND ngày 26/01/2015 là đúng quy định pháp luật. Đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Văn E.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 04/2018/HC-ST ngày 19 tháng 11 năm 2018, Tòa án nhân dân Quận A đã quyết định như sau:

Áp dụng Điều 3, khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 31, điểm a khoản 2 Điều 116, Điều 158 và Điều 206 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015 và khoản 5 Điều 1 Nghị quyết số 104/2015/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 25/11/2015;

Áp dụng Nghị quyết 02/2011/NQ-HĐTP ngày 29/7/2011 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Tổ tụng Hành chính;

Áp dụng Điều 38, 42 và Điều 43 Luật Đất đai năm 2003

Áp dụng điểm đ Khoản 4 Điều 14 Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 và khoản 2 Điều 15 Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Văn E yêu cầu hủy Quyết định số 15/QĐ-UBND ngày 26/01/2015 của Ủy ban nhân dân Quận A về việc điều chỉnh Quyết định số 604/QĐ-UBND-BBT ngày 02/4/2010 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận Q.

2. Án phí hành chính sơ thẩm: Ông Huỳnh Văn E phải chịu 200.000 (hai trăm ngàn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà ông E đã nộp theo biên lai thu số 0007581 ngày 26/4/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Huỳnh Văn E đã nộp đủ án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Ngày 26/11/2018, ông Huỳnh Văn E kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm nêu trên.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Ông Huỳnh Văn E vẫn giữ yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo, đề nghị sửa Bản án sơ thẩm, hủy Quyết định số 15/QĐ-UBND ngày 26/01/2015 của Ủy ban nhân dân Quận A về việc điều chỉnh Quyết định số 604/QĐ-UBND-BBT ngày 02/4/2010 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận Q.

- Ủy ban nhân dân Quận A đề nghị giữ nguyên Bản án sơ thẩm, bác yêu cầu kháng cáo của ông Huỳnh Văn E.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến như sau:

+ Về việc chấp hành pháp luật tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử sơ thẩm của Thẩm phán và Hội đồng xét xử: Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, cấp, tổng đạt văn bản, nộp tiền tạm ứng án phí đúng quy định, Quyết định hành chính còn thời hiệu khởi kiện, gửi thông báo thụ lý đúng quy định. Về thời hạn xét xử tính từ ngày thụ lý vụ án đến ngày đưa vụ án ra xét xử không vi phạm thời hạn. Quyết định xét xử đúng nội dung, thành phần xét xử, xét xử đúng thời gian, địa điểm. Người tham gia phiên tòa đúng, người đại diện có năng lực hành vi, văn bản ủy quyền đúng quy định. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét ban hành bản án kịp thời, đúng pháp luật.

+ Về kháng cáo của ông Huỳnh Văn E: Đề nghị bác yêu cầu kháng cáo của ông E, giữ nguyên Bản án sơ thẩm. Tuy nhiên về phần án phí sơ thẩm, đề nghị sửa lại do tại thời điểm xét xử sơ thẩm, ông E đã trên 60 tuổi nên được miễn án phí theo luật định.

XÉT THẤY:

Căn cứ vào các chứng cứ vào các tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

1. Về đối tượng khởi kiện, thời hiệu và thẩm quyền giải quyết vụ án: Xét Đơn khởi kiện của ông Huỳnh Văn E yêu cầu hủy Quyết định số 15/QĐ-UBND ngày 26/01/2015 của Ủy ban nhân dân Quận Q về việc điều chỉnh Quyết định số 604/QĐ-UBND-BBT ngày 02/4/2010 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận Q; Căn cứ Khoản 1 Điều 29, Điểm a, Khoản 2 Điều 104 Luật Tổ tụng hành chính năm 2010 và Khoản 5 Điều 1 Nghị quyết số 104/2015/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 25/11/2015, đơn khởi kiện của ông E còn trong thời hiệu khởi kiện và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Về trình tự thủ tục và thẩm quyền ban hành quyết định hành chính:

Quyết định số 15/QĐ-UBND ngày 26/01/2015 của Ủy ban nhân dân Quận A về việc điều chỉnh Quyết định số 604/QĐ-UBND-BBT ngày 02/4/2010 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận Q là đúng trình tự, thủ tục và thẩm quyền theo quy định tại Điều 126, Điều 127 Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân năm 2003; Điều 18, Điều 27, Điều 28, Điều 29, Điều 31 Luật khiếu nại năm 2011; Khoản 2 Điều 204 Luật Đất đai năm 2013.

3. Về kháng cáo của ông Huỳnh Văn E yêu cầu hủy Quyết định số 15/QĐ-UBND ngày 26/01/2015 của Ủy ban nhân dân Quận A về việc điều chỉnh Quyết định số 604/QĐ-UBND-BBT ngày 02/4/2010 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận Q:

Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có cơ sở xác định theo tài liệu năm 2003 thì Phần đất có diện tích 111,3m² thuộc thửa số 5, tờ bản đồ số 64 phường M, Quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh có nguồn gốc do chính quyền chế độ cũ sử dụng, xây dựng và đưa vào vận hành đường dây điện 66KV Thủ Đức – Đồng Nai, Thủ Đức – Long Bình từ năm 1965. Sau năm 1975, Nhà nước tiếp quản và quản lý vận hành lưới điện phục vụ công cộng. Khoảng năm 1978, ông Nguyễn Ngọc A tự chiếm dụng canh tác hoa màu. Năm 1990 ông A lập giấy tay nhượng lại cho ông Huỳnh Văn E và bà Nguyễn Thị Kim H. Năm 1992 ông E tự cất nhà để sử dụng, không có giấy phép xây dựng. Tại bản vẽ hiện trạng vị trí lập ngày 25/11/2008 thì vị trí khu đất của hộ ông E nằm trong hành lang đường dây điện cao thế.

Theo trích sao sổ địa bộ số 1084/TS-VPĐK-KT ngày 24/6/2010 của Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất thuộc Sở Tài nguyên và môi trường Thành phố Hồ Chí Minh có ghi: “Địa chủ cam kết: Nguyễn Trung T và vợ Trần Thị M đã hay biết rõ phần cộng hữu này nằm trong vùng chỉnh trang phân khu quận X

và Xa lộ Saigon-Biên Hòa bị Sắc lệnh số 10-CC ngày 13/1/1965 chi phối. Cam kết nhận chịu những điều kiện ghi nơi Sắc lệnh này”.

Ngày 08/7/1998, Công ty truyền tải điện 4 tiếp tục có văn bản số 02078/ĐVN/TTDD4-MD gửi Ủy ban nhân dân Quận A kèm theo danh sách các hộ dân trong đó có hộ ông A xây cất dưới đường dây cao thế đã bị Công ty điện lực lập biên bản vi phạm và đến ngày 13/4/2000, Ủy ban nhân dân Quận A cũng đã ban hành Thông báo số 62/TB-UB-QLĐT, giải tỏa 25 hộ dân cư ngụ dưới đường điện cao thế thuộc tổ 12, phường L, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh, trong đó có hộ của ông E.

Như vậy, phần đất hiện ông E bị thu hồi tuy được ông Nguyễn Ngọc A bắt đầu sử dụng từ năm 1978 (trước ngày 15/10/1993) và năm 2006 có sự di dời đường dây điện, nhưng vào thời điểm ông A bắt đầu sử dụng đất, trên đất đã tồn tại hành lang an toàn điện (được xây dựng và vận hành từ năm 1965), phần nhà đất xây dựng không phép nằm dưới đường điện cao thế của hộ gia đình ông Huỳnh Văn E, bà Nguyễn Thị Kim H nói trên là nằm trong chỉ giới hành lang đường dây điện, trong quá trình sử dụng đã bị Ủy ban nhân dân huyện R (cũ) ban hành Quyết định xử lý hành chính ngày 29/11/1993 đối với một số hộ dân xây dựng trái phép dưới đường điện cao thế và ngày 16/6/1994 Ủy ban nhân dân huyện R đã ban hành Quyết định cưỡng chế hành chính đối với một số hộ dân do không tự giác chấp hành quyết định xử lý hành chính đã có hiệu lực thi hành. Tại Công văn số 161 ngày 20/9/1997 của Ủy ban nhân dân phường L báo cáo hiện trạng nhà các hộ bị giải tỏa do xây dựng, lấn chiếm bất hợp pháp dưới đường điện cao thế cũng thể hiện có hộ ông E, do đó căn cứ Khoản 4 Điều 14 Nghị định số 84/2007/NĐ-CP của Chính phủ thì trường hợp sử dụng đất nêu trên là “lấn, chiếm hành lang bảo vệ an toàn công trình công cộng đã được công bố, cấm mốc” nên không đủ điều kiện để được bồi thường về đất. Việc Ủy ban nhân dân Quận A ban hành Quyết định số 15/QĐ-UBND về việc điều chỉnh Quyết định 604/QĐ-UBND-BBT là phù hợp với quy định tại điểm a, khoản 7 mục III Phần III và mục I Phần IV của Phương án bồi thường số 05/PABT-HĐBT.

Từ những nhận định trên, thấy rằng việc Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận A ban hành Quyết định số 15/QĐ-UBND ngày 26/01/2015 về việc điều chỉnh Quyết định số 604/QĐ-UBND-BBT ngày 02/4/2010 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận Q là đúng quy định của pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của ông E là có căn cứ.

Kháng cáo của ông E yêu cầu hủy Quyết định số 15/QĐ-UBND ngày 26/01/2015 của Ủy ban nhân dân Quận A về việc điều chỉnh Quyết định số 604/QĐ-UBND-BBT ngày 02/4/2010 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận Q là không có cơ sở. Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân

Thành phố Hồ Chí Minh cũng đề nghị bác yêu cầu kháng cáo của ông E, giữ nguyên phần quyết định của Bản án sơ thẩm. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về ý kiến của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông E đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông E, sửa Bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông E, hủy Quyết định số 15/QĐ-UBND ngày 26/01/2015 của Ủy ban nhân dân Quận A về việc điều chỉnh Quyết định số 604/QĐ-UBND-BBT ngày 02/4/2010 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận Q. Như đã nhận định nêu trên, ý kiến của Luật sư không có cơ sở xem xét chấp nhận.

Về án phí: Vào thời điểm xét xử sơ thẩm ông E đã trên 60 tuổi, do đó căn cứ điểm đ, khoản 1 điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án thì ông E được miễn tiền án phí. Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông E phải chịu án phí sơ thẩm là không đúng quy định, Hội đồng xét xử phúc thẩm điều chỉnh lại, đồng thời, miễn án phí hành chính phúc thẩm cho ông E theo quy định nêu trên.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 205, Điều 206, Khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính;

Căn cứ khoản 2 Điều 204 Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Bác kháng cáo của ông Huỳnh Văn E, giữ nguyên phần quyết định của bản án hành chính sơ thẩm số 04/2018/HC-ST ngày 19 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh:

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Văn E yêu cầu Tòa án nhân dân Quận A tuyên hủy Quyết định số 15/QĐ-UBND ngày 26/01/2015 của Ủy ban nhân dân Quận A về việc điều chỉnh Quyết định số 604/QĐ-UBND-BBT ngày 02/4/2010 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận Q.

Án phí hành chính sơ thẩm: Ông E được miễn tiền án phí hành chính sơ thẩm. Hoàn trả cho ông E 200.000 (hai trăm ngàn) đồng số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AC/2014/0007581 ngày 26/4/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Án phí hành chính phúc thẩm: Ông E được miễn tiền án phí hành chính phúc thẩm. Hoàn lại cho ông Huỳnh Văn E 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm do ông E đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án

phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0039997 ngày 27/11/2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Tòa án nhân dân Quận A;
- Chi cục THADS Quận A;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Bích Thủy